TÒA ÁN NHÂN DÂN TP NT **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 175/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 05/9/2017
V/v: " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lâm Vương Mỹ Linh**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mộng Lành**
Ông Ngô Tiến Thành
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Phạm Văn Tuân** - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. NT.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hường** - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 457/2017/ HNGĐ/ST ngày 03/5/2017 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2017 giữa các đương sự :

* *Nguyên đơn*: Bà **Lưu Thị Mỹ D** - sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn T, xã DS, huyện DK, tỉnh KH
Có mặt tại phiên tòa.

*** *Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Xuân H** - sinh năm: 1980
Địa chỉ: KA54 đường CLT, Phường VT, Thành phố NT, tỉnh KH
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lưu Thị Mỹ D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DS, huyện DK. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hòa thuận, không thống nhất quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, vợ chồng ông bà đã không còn chung sống cùng nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Bà và ông H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố NT đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Xuân H theo quy định của pháp luật nhưng ông H vắng mặt, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt là vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và coi như từ bỏ quyền có ý kiến đối với quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lưu Thị Mỹ D được ly hôn ông Nguyễn Xuân H. Về con chung: bà D và ông H không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thành phố NT đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng ông Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Vì vậy căn cứ điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Xuân H.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Bà Lưu Thị Mỹ D và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã DS, huyện DK cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 17/11/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của bà Lưu Thị Mỹ D, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Xuân H có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, bà D nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Theo trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường VT, thành phố NT thì bà D và ông H đã nhiều tháng nay không chung sống với nhau. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ, phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà D và ông H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Bà Lưu Thị Mỹ D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lưu Thị Mỹ D được ly hôn ông Nguyễn Xuân H.

2. *Về con chung:* Bà D và ông H không có con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Bà Lưu Thị Mỹ D phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006571 ngày 03/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn – bà Lưu Thị Mỹ D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn – ông Nguyễn Xuân H được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh KH*
- *VKSND Tp. NT*
- *THADS Tp. NT*
- *UBND xã DS, DK*
- *Các đương sự*
- *L- u hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Vương Mỹ Linh